TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh An

Ông Nguyễn Minh Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có nội dung như sau:

Bà và ông T quen biết tìm hiểu một thời gian thì hai bên quyết định làm lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh) vào năm 2011. Bà và ông T có 02 con chung là Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 28/8/2006 và Huỳnh Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 14/6/2016. Khi cưới thì hai vợ chồng chung sống bên gia đình chồng được vài tháng, sau đó ra thuê trọ ở riêng. Khoảng năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn do ông T đi ăn nhậu thường xuyên, về nhà quậy phá nhà cửa, vợ con, không chăm lo hỗ trợ kinh tế với bà để chăm sóc con cái. Từ khi mâu thuẫn đến nay ông T không tìm cách hàn gắn, bà và ông T đã ly thân từ năm 2023 đến nay.

Nhận thấy tình cảm không còn, ông T cũng không có mong muốn hàn gắn lại nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Từ nhỏ đến giờ hai con chung vẫn chung sống với bà nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Nguyễn Thanh T2, riêng con chung tên Huỳnh Thanh T1 đã trưởng thành. Bà làm công công nhân, thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng. Ông T thì công việc tự do, ai kêu gì làm nấy, công việc không có thu nhập ổn định. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến trình bày.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến đã trình bày.

Bị đơn ông Huỳnh Thanh T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thanh T, ông T hiện đang cư trú tại xã M, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về việc vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Xét thấy bà S vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt cả bà S và ông T.

Về việc giải quyết vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông T sau thời gian tìm hiểu nên quyết định làm lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tây Ninh). Hôn nhân của ông bà được xác lập trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà S khởi kiện cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông T đi ăn nhậu thường xuyên, về nhà quậy phá nhà cửa, vợ con, không chăm lo hỗ trợ kinh tế với bà để chăm sóc con cái. Bà và ông T đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng yêu thương, chia sẻ, quan tâm chăm sóc, nhưng từ khi phát sinh mâu thuẫn và bà S khởi kiện yêu cầu ly hôn đến nay, mặc dù Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày, điều này cho thấy ông T không còn quan tâm đến hôn nhân của mình, không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà S, cho thấy hôn nhân của bà S và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

[4] Về con chung: Bà S xác định có 02 con chung tên Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 28/8/2006 (đã trưởng thành) và Huỳnh Nguyễn Thanh T2, sinh ngày 14/6/2016. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Huỳnh Nguyễn Thành T3. Ông T vắng mặt không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu T3 đang sinh sống cùng bà S, bà S cũng có thu nhập, có đủ điều kiện về kinh tế, hơn nữa quá trình giải quyết vụ án, cháu T3 cũng có văn bản trình bày mong muốn sống cùng bà S khi bà S và ông T ly hôn nên việc giao cháu T3 cho bà S tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sẽ tránh làm thay đổi môi trường sống và đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu T3 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu T3 cho bà S được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng theo quy định các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định không có, ông T vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà S là có cơ sở nên được chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà S phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

- Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Thành T3, sinh ngày 14/6/2016 cho bà Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng con chung: Bà S không yêu cầu, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; yêu cầu

người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006972 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà S đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- UBND xã Mỹ Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đặng Văn Vững – Nguyễn Minh Chí	**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**